

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24 – 4 – 2023

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Dân.

2. Ông Huỳnh Hoàng Khởi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Xuân Thùy Dương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 12/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 về việc xin ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị D, sinh năm: 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Xóm Lung, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Huỳnh Trường G, sinh năm: 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Xóm Lung, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Đỗ Thị D là nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Trường G chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Định B, thành phố CM, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến cuối năm 2012 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị D là do anh G ham mê cờ bạc dẫn đến nợ nần, mặc dù chị và gia đình có khuyên nhưng anh không thay đổi, dẫn đến vợ chồng cự cãi thường xuyên. Mâu thuẫn giữa vợ chồng cha mẹ hai bên có tổ chức hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Do đó, chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

- Về con chung: Chị D xác định anh, chị có hai người con chung tên Huỳnh Thảo Ng, sinh ngày 04/02/2013, Huỳnh Trung Ng, sinh ngày 24/10/2016, hiện con đang sống với anh, chị. Khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi các con.

- Về tài sản chung: Chị D xác định có nhưng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị D khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại.

Đối với anh Huỳnh Trường G, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Huỳnh Trường G đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa chị D, anh G là tranh chấp về ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Huỳnh Trường G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng anh G vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Giang theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị D và anh Huỳnh Trường G xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 12/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Định B, thành phố CM, tỉnh Cà Mau, có đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống anh, chị có nhiều mâu thuẫn. Xét thực tế cuộc sống anh, chị có mâu thuẫn là sự thật. Vì theo chị D anh, chị xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, không quan tâm, chăm sóc, quý trọng nhau. Anh, chị có xảy ra mâu thuẫn nhiều năm, cự cãi nhiều lần. Trong khoảng thời gian này anh, chị không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng và cũng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Bên cạnh đó, chị D cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét chấp nhận cho chị ly hôn thì chị cũng không đoàn tụ, chung sống với anh G được nữa vì tình cảm vợ chồng không còn. Đối với anh G quá trình Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay đã mời anh rất nhiều lần nhưng anh không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến. Do đó, Tòa án căn cứ vào những chứng cứ mà chị D nộp để giải quyết vụ án là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh G là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị D xác định anh, chị có hai người con chung tên Huỳnh Thảo Ng, sinh ngày 04/02/2013, Huỳnh Trung Ng, sinh ngày 24/10/2016, hiện con đang sống với anh, chị. Khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy việc nuôi dạy con là quyền và nghĩa vụ của chị D, anh G. Giao con cho chị D hoặc anh G trực tiếp nuôi dạy cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con nhưng không phải giao con cho chị D hoặc anh G nuôi thì người không trực tiếp nuôi con bị tước đi các quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái. Mặc dù, chị D khai anh, chị đều có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con cái nhưng việc anh, chị ly hôn đã phần nào ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của con nên cần phải hạn chế đến mức thấp nhất việc ảnh hưởng đời sống và bảo đảm được việc học hành, sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần của con. Bên cạnh đó, cháu Thảo Ng, cháu Trung Ng cũng có ý kiến nguyện vọng sống cùng với mẹ nếu cha, mẹ cháu ly hôn. Để tránh sự xáo trộn tâm lý, cuộc sống của các cháu nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao các cháu Thảo Ng, cháu Trung Ng cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh G không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị D xác định có nhưng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị D khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị D về việc xin ly hôn anh Huỳnh Trường G.

2. Về con chung: Giao các cháu Huỳnh Thảo Ng, sinh ngày 04/02/2013, Huỳnh Trung Ng, sinh ngày 24/10/2016, hiện con đang sống với anh G, chị D cho chị D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh G không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị D xác định có nhưng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị D khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị D phải chịu 300.000 đồng. Ngày 09 tháng 01 năm 2023, chị D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0002703 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- UBND xã Định Bình, thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thúy Dung